THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ -------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 31/2026/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH DANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU PHẢI LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN TẠI CỬA KHẨU NHẬP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập.

2. Hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập là hàng hóa đưa từ nước ngoài vào lãnh thổ Việt Nam theo khoản 2 Điều 28 Luật Thương mại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hải quan nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập

1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập (sau đây gọi tắt là Danh mục).

2. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có nhiều chủng loại (thuộc Danh mục và không thuộc Danh mục), chung vận đơn thì phải làm thủ tục hải quan tại hải quan cửa khẩu nhập quy định tại Điều 4 Quyết định này.

3. Hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục quy định tại khoản 1 Điều này, người khai hải quan được lựa chọn làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập quy định tại Điều 4 Quyết định này hoặc tại các địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu nhập trong các trường hợp sau:

a) Thiết bị, máy móc, vật tư nhập khẩu để xây dựng nhà máy, công trình được làm thủ tục hải quan tại Hải quan nơi có nhà máy, công trình hoặc kho của nhà máy, công trình.

b) Hàng hóa nhập khẩu phục vụ gia công, sản xuất tiêu dùng trong nước, sản xuất xuất khẩu và chế xuất được làm thủ tục hải quan tại Hải quan nơi có trụ sở chính hoặc trụ sở Chi nhánh hoặc cơ sở sản xuất; Hải quan quản lý hàng gia công, sản xuất thuộc Chi cục Hải quan khu vực nơi có cơ sở sản xuất hoặc nơi có cửa khẩu nhập.

c) Hàng hóa đưa từ nước ngoài vào khu phi thuế quan, kho ngoại quan được làm thủ tục hải quan tại Hải quan quản lý khu phi thuế quan, kho ngoại quan (trừ hàng hóa đưa từ nước ngoài gửi kho ngoại quan để xuất đi nước khác theo quy định phải có Giấy chứng nhận mã số tạm nhập tái xuất của Bộ Công Thương chỉ được gửi kho ngoại quan tại tỉnh, thành phố nơi có cửa khẩu nhập hoặc cửa khẩu xuất).

d) Hàng hóa nhập khẩu bán tại cửa hàng miễn thuế được làm thủ tục hải quan tại Hải quan quản lý cửa hàng miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Hải quan.

đ) Hàng hóa nhập khẩu phục vụ yêu cầu cứu trợ khẩn cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Hải quan được làm thủ tục hải quan tại Hải quan nơi xảy ra thiên tai, dịch bệnh hoặc có yêu cầu cứu trợ khẩn cấp.

e) Hàng hóa chuyên dùng nhập khẩu phục vụ an ninh quốc phòng theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật Hải quan được làm thủ tục hải quan tại Hải quan theo đề nghị của người khai hải quan.

g) Xăng các loại nhập khẩu từ nước ngoài hoặc từ kho ngoại quan nhập khẩu vào nội địa được làm thủ tục hải quan tại Hải quan nơi thương nhân có kho xăng dầu đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan.

h) Hàng hóa nhập khẩu đóng chung container đưa về địa điểm thu gom hàng lẻ được làm thủ tục hải quan tại Hải quan quản lý địa điểm thu gom hàng lẻ.

i) Hàng hóa nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh được làm thủ tục hải quan tại các địa điểm theo Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

k) Hàng hóa làm thủ tục nhập khẩu tại cảng cạn ICD Mỹ Đình, cảng cạn Long Biên, thành phố Hà Nội thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

l) Các trường hợp khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Cửa khẩu nhập

Cửa khẩu nhập để xác định đơn vị hải quan quản lý và làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhập khẩu ban hành kèm Quyết định này bao gồm:

1. Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu nhập là cảng biển, cảng hàng không nơi hàng hóa được dỡ xuống hoặc cảng biển, cảng hàng không ghi trên vận đơn nơi hàng hóa được vận chuyển đến.

2. Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu nhập là ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới.

3. Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường sông, cửa khẩu nhập là cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính nơi hàng hóa nhập khẩu đi vào lãnh thổ Việt Nam.

4. Đối với hàng hóa nhập khẩu trên vận đơn hoặc hợp đồng vận chuyển có ghi cảng đích là ICD Phước Long - Thành phố Hồ Chí Minh thì cửa khẩu nhập là ICD Phước Long - Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 8 năm 2026 và thay thế Quyết định số 23/2019/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập. Đối với hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục tại hải quan tại cửa khẩu nhập ban hành kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-TTg, nhưng không thuộc danh mục hàng hóa phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập ban hành kèm theo Quyết định này đã đăng ký tờ khai hải quan trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục hoàn thành thủ tục hải quan theo quy định tại hải quan cửa khẩu.

2. Căn cứ tình hình xuất khẩu, nhập khẩu trong từng thời kỳ, Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ quản lý chuyên ngành theo dõi, rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

Nguyễn Văn Thắng

PHỤ LỤC

DANH MỤC HÀNG HÓA NHẬP KHẨU PHẢI LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN TẠI CỬA KHẨU NHẬP

(Kèm theo Quyết định số 31/2026/QĐ-TTg Ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Danh mục này được xây dựng trên cơ sở Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam. Nguyên tắc sử dụng danh mục này như sau:

1. Các trường hợp chỉ liệt kê mã 4 số thì toàn bộ các mã 8 số thuộc nhóm 4 số này đều được áp dụng.

2. Các trường hợp chỉ liệt kê mã 6 số thì toàn bộ các mã 8 số thuộc phân nhóm 6 số này đều được áp dụng.

3. Các trường hợp liệt kê chi tiết đến mã 8 số thì chỉ những mã 8 số đó được áp dụng.

II. DANH MỤC HÀNG HÓA

TT	Mô tả hàng hóa	Mã hàng
1	**Thuốc lá điếu, xì gà và chế phẩm khác từ cây thuốc lá dùng để hút, hít, nhai, ngửi, ngậm**	
	Lá thuốc lá chưa chế biến; phế liệu lá thuốc lá	2401
	Xì gà, xì gà xén hai đầu, xì gà nhỏ và thuốc lá điếu, từ lá thuốc lá hoặc từ các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá	2402

	Lá thuốc lá đã chế biến khác và các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến khác; thuốc lá "thuần nhất" hoặc thuốc lá "hoàn nguyên"; chiết xuất và tinh chất lá thuốc lá	2403
2	**Rượu**	
	Rượu vang làm từ nho tươi, kể cả rượu vang cao độ; hèm nho trừ loại thuộc nhóm 20.09	2204
	Rượu Vermouth và rượu vang khác làm từ nho tươi đã pha thêm hương liệu từ thảo mộc hoặc chất thơm	2205
	Đồ uống đã lên men khác (ví dụ, vang táo, vang lê, vang mật ong, rượu sa kê); hỗn hợp của đồ uống đã lên men và hỗn hợp của đồ uống đã lên men với đồ uống không chứa cồn, chưa chi tiết hay ghi ở nơi khác	2206
	Cồn etylic chưa biến tính có nồng độ cồn từ 80% trở lên tính theo thể tích; etylic và rượu mạnh khác, đã biến tính, ở mọi nồng độ	2207
	Cồn etylic chưa biến tính có nồng độ cồn dưới 80% tính theo thể tích; rượu mạnh, rượu mùi và đồ uống có rượu khác	2208
3	**Bia sản xuất từ malt**	2203
4	**Xe ô tô chở người dưới 16 chỗ ngồi**	8702 8703
5	**Máy bay, du thuyền**	
5.1	Máy bay	8802.20.10 8802.30.10 8802.40.10
5.2	Tàu thủy chở khách, thuyền, xuồng du lịch và các tàu thuyền tương tự được thiết kế chủ yếu để vận chuyển người; phà các loại	8901.10
	Du thuyền hạng nhẹ và các loại tàu thuyền khác phục vụ nghỉ ngơi, giải trí hoặc thể thao; thuyền dùng mái chèo và canô	89.03
6	**Xăng các loại**	
6.1	Xăng động cơ, không pha chì	2710.12.21 2710.12.22 2710.12.23

		2710.12.24 2710.12.25 2710.12.26 2710.12.27 2710.12.28 2710.12.29
6.2	Xăng máy bay, trừ loại sử dụng làm nhiên liệu máy bay phản lực	2710.12.31 2710.12.39
	Máy điều hòa không khí, có công suất từ 90.000 BTU trở xuống	8415
8	**Bộ bài**	9504.40.00
9	**Giấy vàng mã**	4823.90.92
10	**Tiền chất thuốc nổ, vật liệu nổ công nghiệp theo Danh mục do Bộ Công Thương quy định**	
10.1	*Tiền chất thuốc nổ*	
	Amoni nitrat (NH_4NO_3) ≥ 98,5% trừ dạng viên (tablet) hoặc các dạng tương tự hoặc đóng gói với trọng lượng cả bì không quá 10 kg	3102.30.00
	Amoni nitrat (NH_4NO_3) ≥ 98,5% dạng viên (tablet) hoặc các dạng tương tự hoặc đóng gói với trọng lượng cả bì không quá 10 kg	3105.10.90
	Nitro Metan (CH_3NO_2) ≥ 96%	2904.20.90
	Natri Nitrat ($NaNO_3$) ≥ 98,5% trừ dạng viên (tablet) hoặc các dạng tương tự hoặc đóng gói với trọng lượng cả bì không quá 10 kg	3102.50.00
	Natri Nitrat ($NaNO_3$) ≥ 98,5% ở dạng viên (tablet) hoặc các dạng tương tự hoặc đóng gói với trọng lượng cả bì không quá 10 kg	3105.10.90
	Kali Nitrat (KNO_3) ≥ 98,5%	2834.21.00
	Natri Clorat ($NaClO_3$) ≥ 84,0%	2829.11.00
	Kali Clorat ($KClO_3$) ≥ 98,5%	2829.19.00
	Kali Perclorat ($KClO_4$) ≥ 98,5%	2829.90.90

10.2	***Vật liệu nổ công nghiệp*** (thuốc nổ công nghiệp, mồi nổ, kíp nổ, dây nổ, hạt nổ, dây LIL các loại)	
	Kíp nổ đốt số 8	3603.40.00
	Kíp nổ điện số 8	3603.60.00
	Kíp nổ điện vi sai	
	Kíp nổ điện vi sai an toàn	
	Kíp nổ vi sai an toàn Carrick-8	3603.40.00
	Kíp nổ vi sai phi điện	
	Kíp vi sai phi điện MS 15 số	
	Kíp vi sai phi điện nổ chậm LP	
	Kíp nổ vi sai phi điện an toàn sử dụng trong mỏ hầm lò có khí Mêtan	
	Kíp nổ điện tử Uni tronic 600 (3603.60.00 - mô tả hàng hóa là kíp nổ điện tử)	3603.60.00
	Dây cháy chậm công nghiệp	3603.10.00
	Dây dẫn tín hiệu nổ	3603.20.00
	Dây nổ chịu nước 5, 6, 10, 12, 40, 70 (g/m)	
	Dây nổ thường	
	Dây dẫn tín hiệu Conectadets	
	Thuốc nổ amonit AD1	3602.00.00
	Thuốc nổ TNP1	
	Thuốc nổ Anfo	
	Thuốc nổ Anfo chịu nước	
	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên	
	Thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dùng cho lộ thiên	
	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí nổ	
	Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê tan siêu hạng	
	Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí nổ	
	Thuốc nổ nhũ tương rời bao gói	
	Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp	

	Mìn phá đá quá cỡ	9603.90.10
	Thuốc nổ Senatel Powersplit	3602.00.00
	Hexogen (G, DX, T4, Cyclotrimethylen - Trinitramin) Công thức hóa học: $C_3H_6N_6O_6$; $C_6H_2N_6N_3(NO_2)_3$.	
	Trinitrotoluene (TNT) Công thức hóa học: $C_6H_2(NO_2)_3CH_3$.	
	Octogen (HMX - Cyclotetramethylene tetratrramine, Homocyclonit) Công thức hóa học: $C_4H_8N_8O_8$.	
	Pentrit (Pentaerythrol - Tetranitrate, Tetranitro pentaeritrit, Corpent, PENT hoặc TEN) Công thức hóa học: $C(CH_2ONO_2)_4$; $C_5H_8(ONO_2)$.	
11	**Hàng hóa nhập khẩu thuộc Danh mục có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh do Chính phủ ban hành**	
12	**Hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia, vùng lãnh thổ có cảnh báo về nguy cơ dịch bệnh theo thông báo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**	